TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN THỦ ĐỨC** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 685/2019/DS-ST
Ngày: 22/10/2019
V/v tranh chấp đòi tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Văn Thiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Quý;

2. Bà Nguyễn Thị Lượng.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Trường Giang – Thư ký Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Bá Thu Thư – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 525/2019/TLST-DS ngày 23/7/2019 về việc "*Tranh chấp đòi tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 547/2019/QĐXXST-DS ngày 30/9/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Vũ Đình H và bà Ngô Thị B.

Địa chỉ: 64 Đường D, khu phố D, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Xuân T, sinh năm 1978; Địa chỉ thường trú: xã Mỹ Thành, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định. *(theo văn bản ủy quyền công chứng số: 010926, quyển số 110/TP/CC-SCC/HĐGD lập ngày 31/5/2019 tại Văn phòng công chứng Đông Thanh Phố)* – có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn L và bà Trần Thị T.

Địa chỉ: 104 Đường F, khu phố F, phường G, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Ông Nguyễn Văn L và bà Trần Thị T có đơn đề nghị vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

(1) *Nội dung nguyên đơn khởi kiện*: Vào ngày 15/7/2008, ông Vũ Đình H và bà Ngô Thị B có cho ông Nguyễn Văn L và bà Trần Thị T vay số tiền 700.000.000 đồng theo hợp đồng vay tiền số 07435, quyển số 4TP/CC-SCC/HĐGD do Phòng công chứng số 03 Thành phố Hồ Chí Minh công chứng ngày 15/7/2008. Thực hiện hợp đồng ông Nguyễn Văn L và bà Trần Thị T có trả cho ông H và bà B các đợt với số tiền cụ thể của mỗi đợt là: Ngày 25/7/2009 trả số tiền là 350.000.000 đồng; Ngày 31/3/2011 trả số tiền là 30.000.000 đồng; Ngày 05/01/2012 trả số tiền là 20.000.000 đồng; Ngày 07/01/2013 trả số tiền là 20.000.000 đồng; Ngày 01/6/2013 trả tiếp số tiền là 15.000.000 đồng. Tổng số tiền ông Nguyễn Văn L và bà Trần Thị T đã trả cho ông H, bà B là 435.000.000 đồng, còn nợ lại số tiền: 265.000.000 đồng. Từ tháng 7 năm 2016 cho đến nay, ông L và bà T không trả thêm số tiền nào, mặc dù phía nguyên đơn đã nhiều lần yêu cầu, nhắc nhở nhưng ông L, bà T chay lì, trốn tránh nghĩa vụ trả nợ. Nhận thấy, quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm phạm, ông H và bà B đã khởi kiện đòi lại tài sản là số tiền đã cho vay nhiều năm, cụ thể yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Văn L và bà Trần Thị T liên đới trả lại số tiền 265.000.000 đồng, không yêu cầu bồi thường và trả tiền lãi.

(2) Bị đơn ông Nguyễn Văn L và bà Trần Thị T thừa nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xác nhận số tiền đã vay là 700.000.000 đồng, số tiền đã trả là 435.000.000 đồng và số tiền còn nợ chưa trả là 265.000.000 đồng, đúng như nội dung nguyên đơn khởi kiện. Tuy nhiên, bị đơn cho rằng hiện tại hoàn cảnh gia đình rất khó khăn, người chồng thì ngoài tuổi lao động, không có việc làm, còn người vợ thì bị bệnh bại liệt, sống nhờ vào số tiền cấp dưỡng của các con, chỉ đủ khả năng mỗi tháng trả được 500.000 đồng cho ông H và bà B đến khi trả hết số nợ 265.000.000 đồng. ông Nguyễn Văn L và bà Trần Thị T đã có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ kiện, kể cả vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án.

(3) *Tại phiên tòa sơ thẩm*: Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Xuân Thủy có đơn đề nghị được xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn ông Nguyễn Văn L và bà Trần Thị T có đơn đề nghị được xét xử vắng mặt và giữ nguyên ý kiến đã trình bày như trên.

(4) *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến*: Tòa án đã tiến hành tố tụng từ khi thụ lý cho đến mở phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật. Bị đơn ông Nguyễn Văn L và bà Trần Thị T đã có đơn đề nghị được xét xử vắng mặt, đề nghị Tòa án chấp nhận và tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn. Về nội dung: Yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ và hợp pháp, đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ông Vũ Đình H và bà Ngô Thị B khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Văn L và bà Trần Thị T trả lại số tiền đã vay từ năm 2008, giữa hai bên phát sinh quan hệ tranh chấp đòi tài sản, thuộc trường hợp được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tại thời điểm Tòa án thụ lý giải quyết vụ kiện bị đơn ông Nguyễn Văn L và bà Trần Thị T đang cư trú và đăng ký cư trú trên địa bàn quận Thủ Đức, căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Xuân Thủy có đơn đề nghị được xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Nguyễn Văn L và bà Trần Thị T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Xét thấy, lời khai và sự thừa nhận của các bên đương sự, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn phù hợp với hợp đồng vay tiền số 07435, quyển số 4TP/CC-SCC/HĐGD do Phòng công chứng số 03 Thành phố Hồ Chí Minh công chứng ngày 15/7/2008 và những tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Căn cứ quy định tại điểm c khoản 1 và khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định giữa ông Vũ Đình H và bà Ngô Thị B với ông Nguyễn Văn L và bà Trần Thị T có quan hệ vay mượn tiền có thỏa thuận trả lãi, số tiền vay là 700.000.000 đồng, thời hạn trả lại số tiền đã vay là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng tức là đến hết ngày 15/7/2009. Tuy nhiên, đã hết thời hạn trả nợ theo thỏa thuận nhưng ông Nguyễn Văn L và bà Trần Thị T chỉ trả được số tiền 435.000.000 đồng, còn nợ lại số tiền: 265.000.000 đồng không trả là vi phạm nghĩa vụ của bên vay được quy định tại Điều 474 của Bộ luật dân sự năm 2005. Do vậy, nguyên đơn khởi kiện đòi lại số tiền 265.000.000 đồng mà ông L và bà T đã vay trước đây nhiều năm, không yêu cầu bồi thường và trả lãi là có cơ sở chấp nhận.

[4] *Về án phí:* Nguyên đơn khởi kiện về việc đòi tài sản cho mượn, không yêu cầu bồi thường là thuộc trường hợp đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch theo quy định tại khoản 1 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Vì yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận, nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sở thẩm. Trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, khoản 4 Điều 147, Điều 186, Điều 227, Điều 228, Điều 233, Điều 235, Điều 266, Điều 273, Điều 280, Điều 482 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 169, 471 và Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005.

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Buộc ông Nguyễn Văn L và bà Trần Thị T có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Vũ Đình H và bà Ngô Thị B số tiền 265.000.000 đồng (hai trăm sáu mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày ông Vũ Đình H, bà Ngô Thị B có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Nguyễn Văn L và bà Trần Thị T không thực hiện hoặc chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ, thì hàng tháng ông L, bà T còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) buộc ông Nguyễn Văn L và bà Trần Thị T liên đới phải nộp theo quy định.

Trả lại cho ông Vũ Đình H và bà Ngô Thị B số tiền tạm ứng án phí 6.625.000 đồng (sáu triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng), theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2019/0003425 ngày 22/7/2019 của Chi cục thi hành án dân sự quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc được niêm yết công khai.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức;
- Thi hành án dân sự quận Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu HS,VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

đã ký tên và đóng dấu

Cao Văn Thiên